

Bài 13. CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH TRÊN TRÁI ĐẤT. KHOÁNG SẢN

I MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nhận biết, trình bày và phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.
- Kể được tên một số loại khoáng sản.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Nhận biết được các dạng địa hình chính của Trái Đất qua hình ảnh, mô hình.
- Sử dụng bản đồ Tự nhiên thế giới để kể tên một số dãy núi, đồng bằng, cao nguyên lớn trên thế giới.

3. Về phẩm chất

Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản.

II CHUẨN BỊ

- Phiếu học tập
- Bản đồ Tự nhiên thế giới
- Tranh ảnh, video về các dạng địa hình chính, khoáng sản trên Trái Đất

III GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu

GV có thể yêu cầu HS nhắc lại kiến thức của bài 12 về quá trình nội sinh, ngoại sinh để dẫn dắt vào nội dung bài học.

Câu hỏi “Trên bề mặt Trái Đất có các dạng địa hình chính và các loại khoáng sản nào?": GV có thể sử dụng để HS trả lời nhưng không nhận xét đúng sai.

2. Hình thành kiến thức mới

Mục 1. Các dạng địa hình chính

- GV giới thiệu về bốn dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất.
- Với mục này, GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để tìm hiểu bốn dạng địa hình. GV phát phiếu học tập và yêu cầu HS dựa vào thông tin trong SGK, mô hình các dạng địa hình trên Trái Đất, hình ảnh minh hoạ về các dạng địa hình, bản đồ Tự nhiên thế giới trang 96 – 97 và hiểu biết của bản thân, thực hiện các nhiệm vụ như yêu cầu trong SGK, cụ thể là:

+ Nhóm 1, 3: Trình bày đặc điểm của núi và đồi; nêu sự khác nhau giữa núi và đồi; kể tên một số dãy núi lớn trên thế giới.

+ Nhóm 2, 4: Trình bày đặc điểm của cao nguyên và đồng bằng; nêu sự khác nhau giữa cao nguyên và đồng bằng; kể tên một số cao nguyên và đồng bằng lớn trên thế giới.

+ Trong quá trình HS làm việc theo nhóm, GV quan sát và hỗ trợ HS, đặc biệt với HS lớp 6 có thể còn lúng túng trong quá trình đọc bản đồ. GV hướng dẫn HS cách quan sát tổng thể bản đồ, nhận biết các kí hiệu và xác định các đối tượng địa lí trên bản đồ.

+ Sự khác nhau giữa núi và đồi:

	Núi	Đồi
Độ cao	Trên 500 m so với mực nước biển.	Không quá 200 m so với vùng đất xung quanh.
Hình thái	Đỉnh nhọn, sườn dốc.	Đỉnh tròn, sườn thoải.
Ví dụ	Hi-ma-lay-a, An-đét, An-pơ, Rốc-ki, U-ran, Át-lát,...	Vùng đồi trung du nước ta ở Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên,...

+ Sự khác nhau giữa đồng bằng và cao nguyên:

	Cao nguyên	Đồng bằng
Độ cao	Trên 500 m so với mực nước biển.	Dưới 200 m so với mực nước biển.
Hình thái	Khá bằng phẳng, có sườn dốc, dựng đứng thành vách.	Tương đối bằng phẳng, có thể rộng hàng triệu km ² .
Ví dụ	Pa-ta-gô-ni, Mông Cổ, Tây Tạng,...	Ấn Hằng, Hoa Bắc, Bắc Âu, A-ma-dôn,...

Mục 2. Khoáng sản

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 2, sau đó đặt một số câu hỏi gợi mở để HS làm việc cá nhân, hình thành các biểu tượng về khoáng sản:

+ Khoáng sản là gì?: Khoáng sản là những khoáng vật và khoáng chất tự nhiên có ích trong vỏ Trái Đất mà con người có thể khai thác để sử dụng trong sản xuất và đời sống.

+ Khoáng sản được phân loại như thế nào?: Khoáng sản có thể được phân thành ba nhóm: khoáng sản năng lượng, khoáng sản kim loại, khoáng sản phi kim loại.

- Sau khi HS có những kiến thức cơ bản, GV tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ trong mục. GV có thể tổ chức làm việc cặp đôi hoặc nhóm nhỏ, các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác bổ sung, đánh giá kết quả của nhóm bạn. Gợi ý kết quả:

+ Các đối tượng là khoáng sản: than đá, cát, đá vôi. Vì đây là những khoáng chất thiên nhiên được con người sử dụng trong sản xuất và đời sống.

+ Vật dụng hằng ngày được làm từ khoáng sản: bút bi, gương, kéo, dao, đồng hồ, tivi,...

+ Khoáng sản nhiên liệu: than bùn, khí thiên nhiên. Khoáng sản kim loại: niken, bô xít, vàng. Khoáng sản phi kim loại: nước khoáng, kim cương, cao lanh, phốt phát.

3. Luyện tập và vận dụng

Câu 1. HS dựa vào kiến thức đã học trong bài, có thể lập thành bảng để tổng kết:

	Cao nguyên	Đồi	Cao nguyên	Đồng bằng
Độ cao	Trên 500 m so với mực nước biển.	Từ 200 m trở xuống so với địa hình xung quanh	Từ 500 m so với mực nước biển	Dưới 200 m so với mực nước biển.
Đặc điểm	Nhô cao rõ rệt, đỉnh nhọn, sườn dốc	Đỉnh tròn, sườn thoải	Bề mặt khá bằng phẳng, sườn dốc	Bề mặt tương đối bằng phẳng

Câu 2. Khi xây dựng nhà chúng ta phải sử dụng cát, xi măng, đá, thép, gạch, kính, nhôm,... có nguồn gốc từ khoáng sản.

Câu 3. HS sưu tầm hình ảnh các dạng địa hình đồi, núi, cao nguyên, đồng bằng ở nước ta. GV có thể tổ chức trưng bày quanh lớp học, hoặc cho một số HS treo bảng và trình bày một số thông tin về dạng địa hình đó.

Câu 4. GV có thể đưa ra gợi ý một số loại khoáng sản để HS có hướng tìm hiểu như vấn đề khai thác than đá, bô xít, sắt, a-pa-tit, vàng, đá vôi. Với các nội dung tìm hiểu theo dàn ý: Khai thác ở đâu, trữ lượng bao nhiêu mỗi năm, quảng khai thác được sử dụng như thế nào,...

IV TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nước khoáng nóng có giá trị đặc biệt đối với đời sống con người. Theo một số ghi chép, từ thời La Mã cổ đại, con người đã biết sử dụng nước khoáng nóng để ngâm mình nhằm thư giãn, phục hồi sức khỏe. Việt Nam cũng được thiên nhiên ưu đãi với rất nhiều suối khoáng nóng. Trong đó, có thể kể tên một số suối khoáng nóng như Kim Bôi (Hoà Bình), Thanh Thủy (Phú Thọ), Bình Châu (Bà Rịa – Vũng Tàu), Bang (Quảng Bình), Đạm Rông (Lâm Đồng). Cho đến nay, tắm khoáng nóng vẫn là loại hình du lịch độc đáo được du khách trong nước cũng như quốc tế yêu thích.